TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-09-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Thắm.

2. Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Giảng Cẩm T, sinh năm 1990 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trần Quốc B, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 05 năm 2018 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Giảng Cẩm T trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Năm 2010 chị T và anh Trần Quốc B tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Khi thành hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải nhau, anh chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cũng không hàn gắn được hôn nhân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không tồn tại, đời sống chung không đạt được hạnh phúc nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Thủy T1, sinh ngày 04 tháng 03 năm 2011 (nữ), hiện sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, về cấp dưỡng không yêu cầu.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc B được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định anh B cũng không có văn bản trả lời về vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn hai lần nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Giảng Cẩm T có yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự là phù hợp với pháp luật, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Giảng Cẩm T.

Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa cho anh Trần Quốc B hai lần, nhưng anh B vẫn vắng mặt tại phiên Tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở.

Về nội dung vụ án:

[1].Về hôn nhân: Chị Giảng Cẩm T và anh Trần Quốc B thành hôn vào năm 2010, đến năm 2012 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy trích lục kết hôn bản sao số 886/2018/TLKH-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 thì anh chị có đăng ký kết hôn, giấy kết hôn số 123/2012 ngày 10 tháng 7 năm 2012. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh B được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Quá trình chung sống anh chị có những bất hòa không hàn gắn được, chị T cho rằng vợ chồng hay cải nhau dẫn đến mất hạnh phúc, anh chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân. Thấy rằng vợ chồng thì phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc cho nhau, nhưng giữa chị T và anh B sống riêng, ai lo thân người đó, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc khác, anh B cũng không có thiện chí hàn gắn hôn nhân được thể hiện là Toà án Thông báo hoà giải hai lần nhưng anh B không một lần đến để hoà giải hàn gắn hôn nhân. Từ những phân tích trên xét thấy mâu thuẫn của anh chị đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, chị T được ly hôn với anh B.

[2] Về nuôi con chung: Theo trình bày của chị T là anh chị có một người con chung tên Trần Thủy T1, sinh ngày 04 tháng 03 năm 2011 (nữ), hiện sống chung

với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu T1, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu T1 cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh B được quyền thăm nom chăm sóc con không ai cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng chị T phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Giảng Cẩm T. Chị Giảng Cẩm T được ly hôn với anh Trần Quốc B.

- Về nuôi con chung: Chị T xác định có một người tên Trần Thủy T1, sinh ngày 04 tháng 03 năm 2011 (nữ), hiện nay cháu đang sống chung với chị T. Giao cho chị Giảng Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Thủy T1, anh B được quyền thăm nom chăm sóc con không ai cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng chị T phải chịu, chị T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015975 ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính